CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Gỗ An Cường

Ngày 31/12/2024	41,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.3%	**1.5%**	**-**

DT thuần
Q4/24
1,216
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 172| 16.5%
YoY: ▲ 65.0| 5.7%

LN thuần
Q4/24
99.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼56.9| -36.5%
YoY: ▼94.9| -48.9%

LN sau thuế
Q4/24
90.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼39.9| -30.7%
YoY: ▼71.9| -44.4%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
13.9%
YoY: +/-▼ 1.5%

ROE
2024
10.1%
YoY: +/-▼ 0.7%

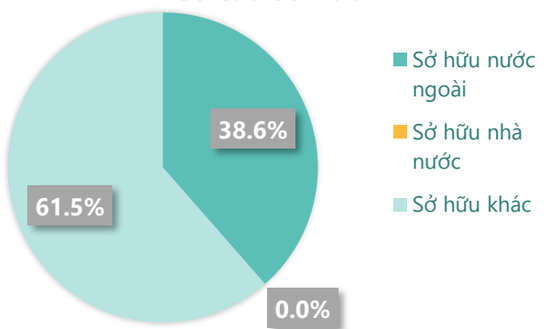
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	35,366 - 49,986
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6,303
Số lượng CPLH (CP)	150,787,946
KLGD BQ 20 phiên (CP)	13,880
Sở hữu nước ngoài	38.6%
Beta	0.66
EPS	2,786
P/E	15.0

DT thuần
2024
3,981
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 219| 5.8%

LN thuần
2024
575
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 46.0| 8.7%

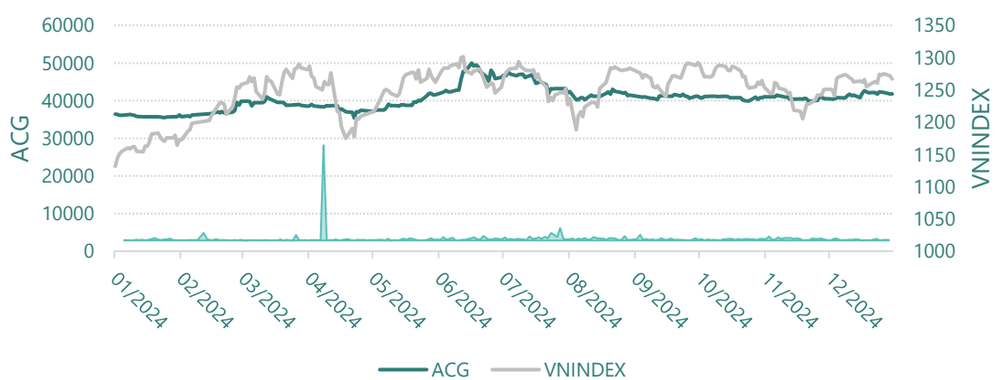
LN sau thuế
2024
420
tỷ VNĐ
YoY: ▼17.0| -3.8%

Cơ cấu sở hữu

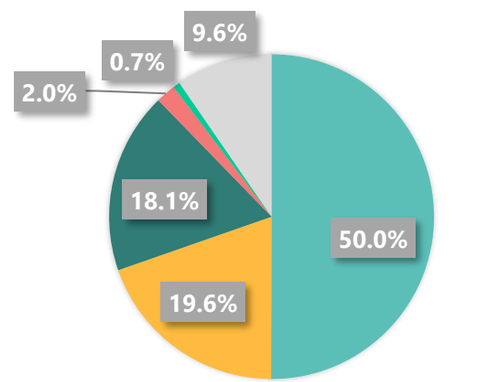


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

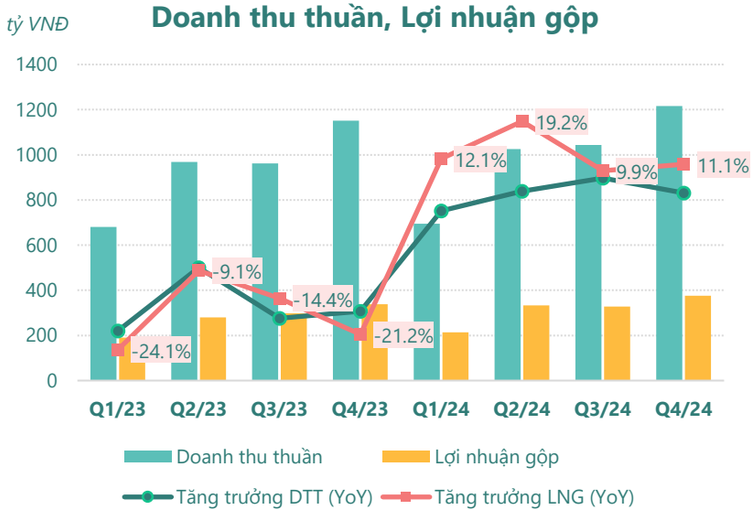


Công ty TNHH Đầu tư NC Việt Nam
Sumitomo Forestry (Singapore) Ltd.
Whitlam Holding Pte. Ltd.
Nguyễn Minh Tuấn (Thành viên HĐQT)
VOF Investment Ltd
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

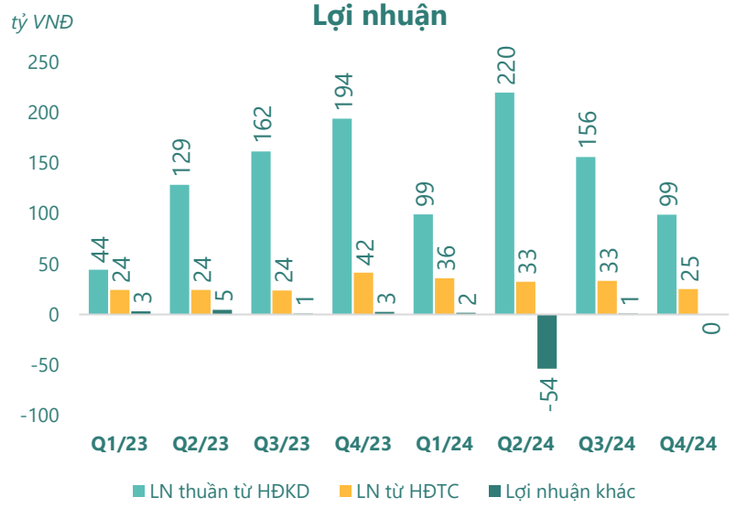
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



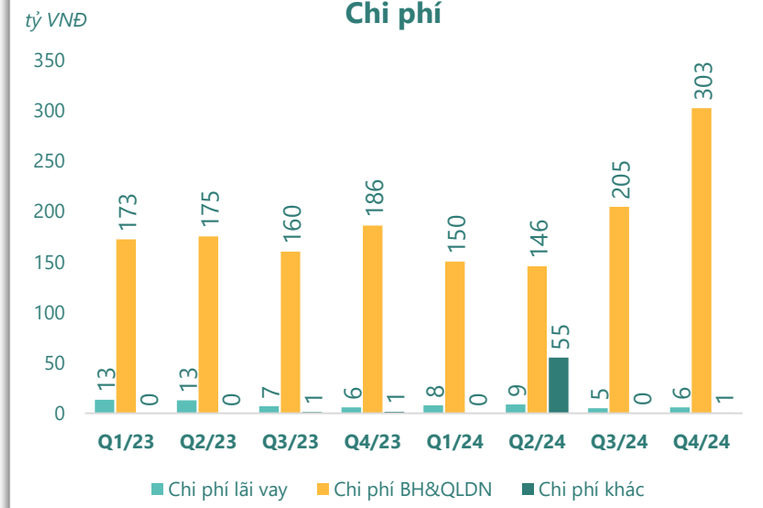
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



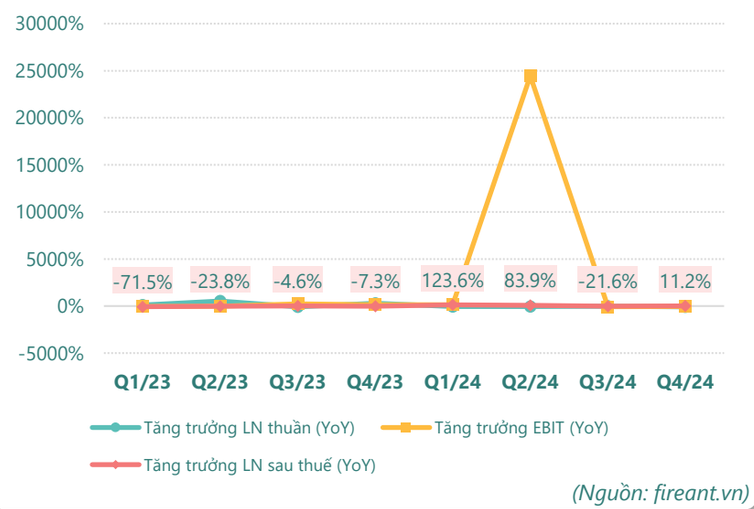
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



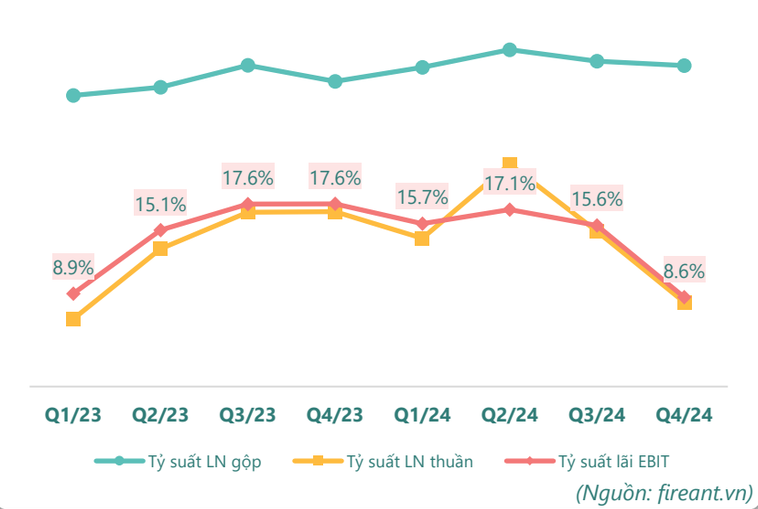
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



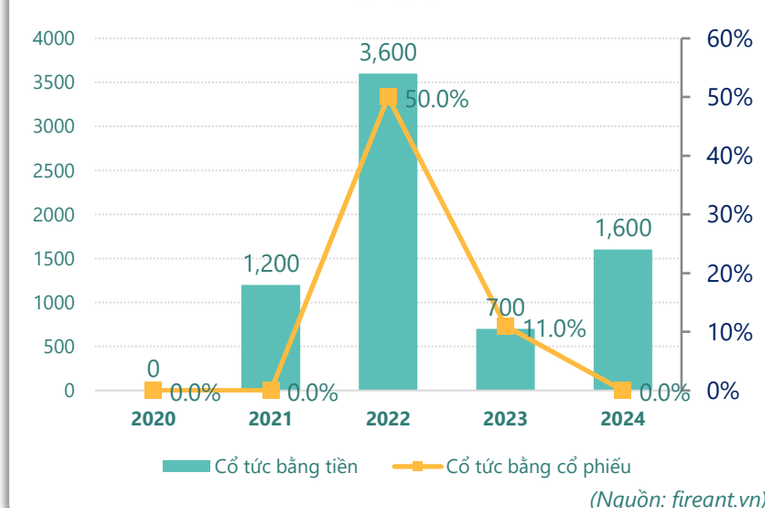
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

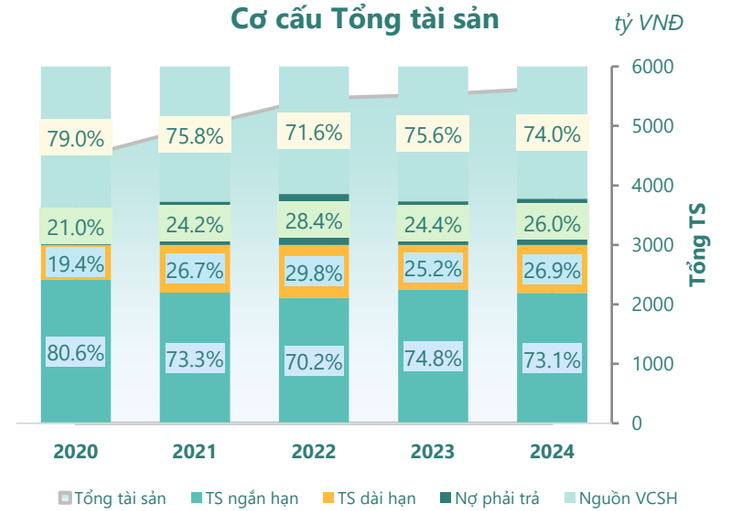
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

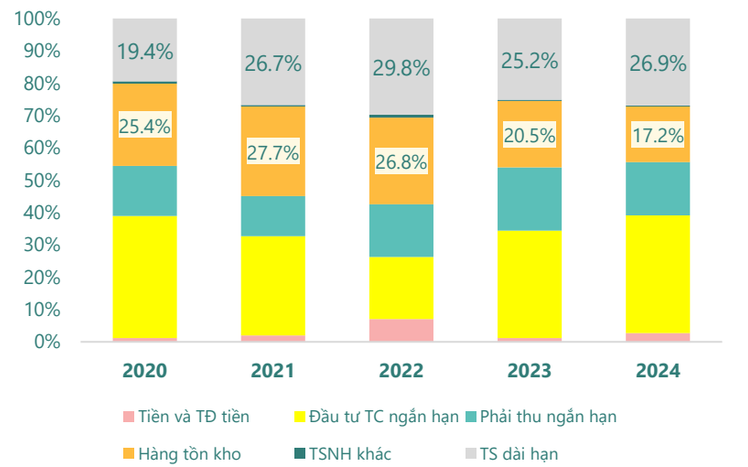
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



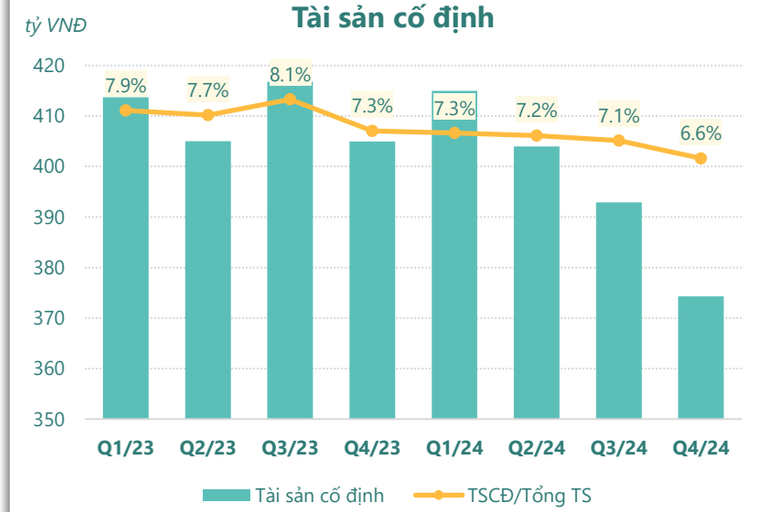
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



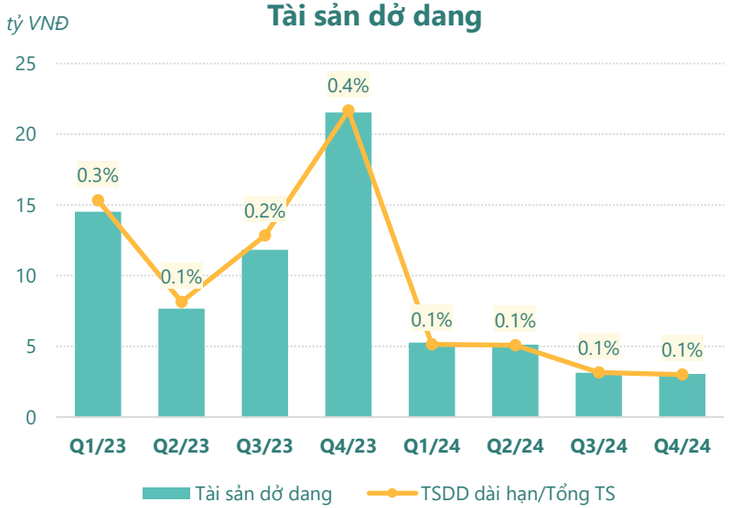
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



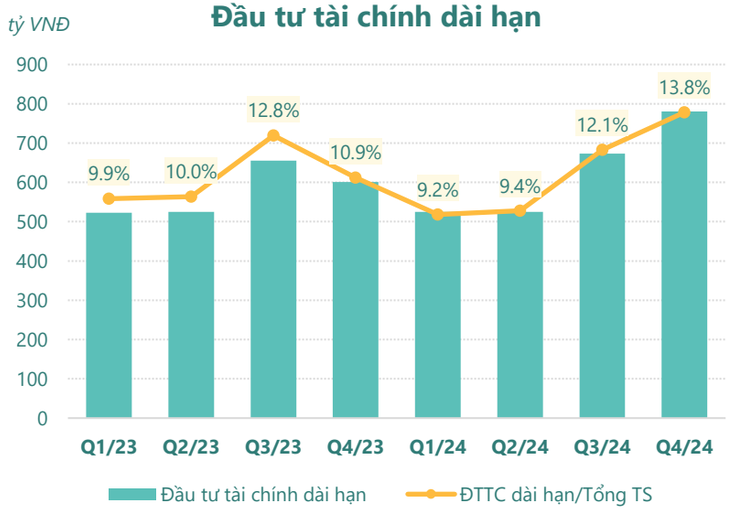
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



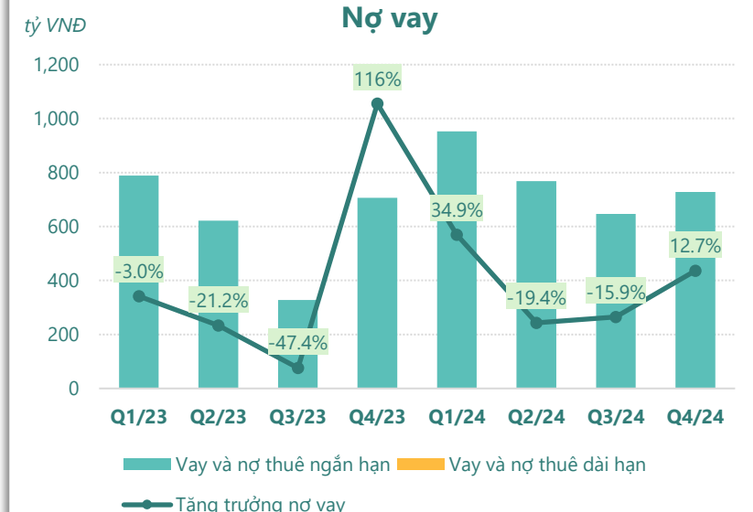
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

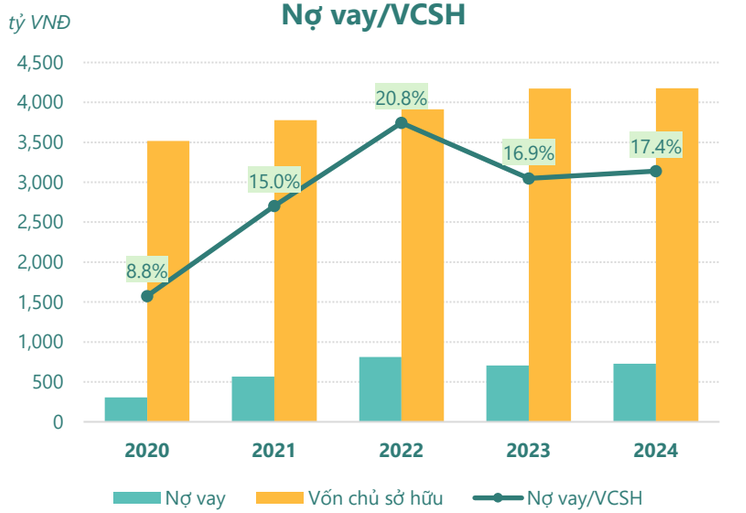
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

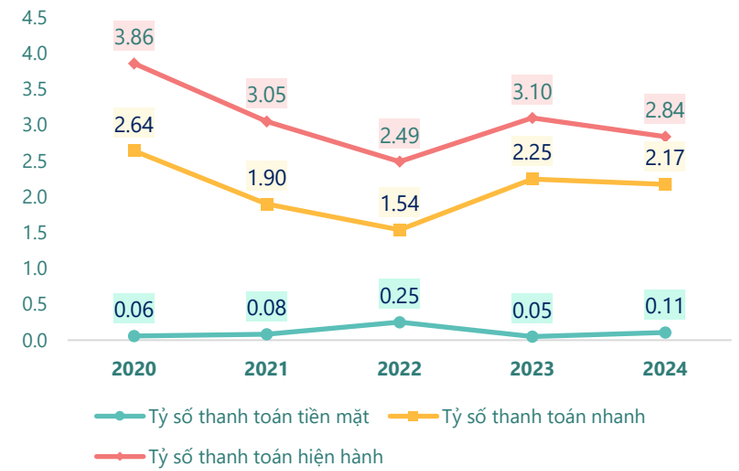
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



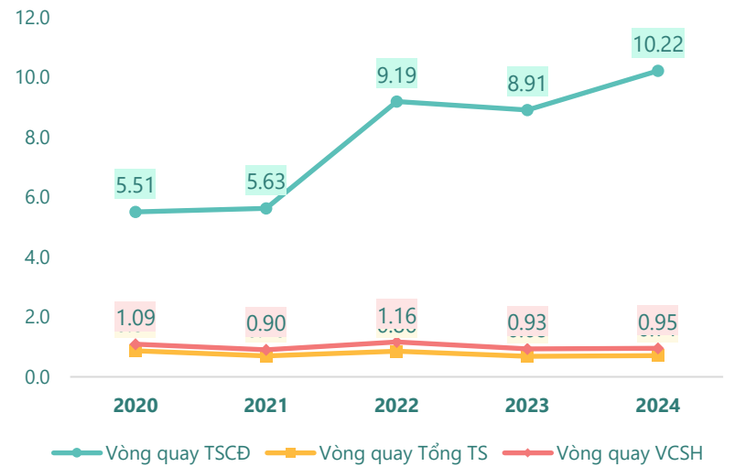
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



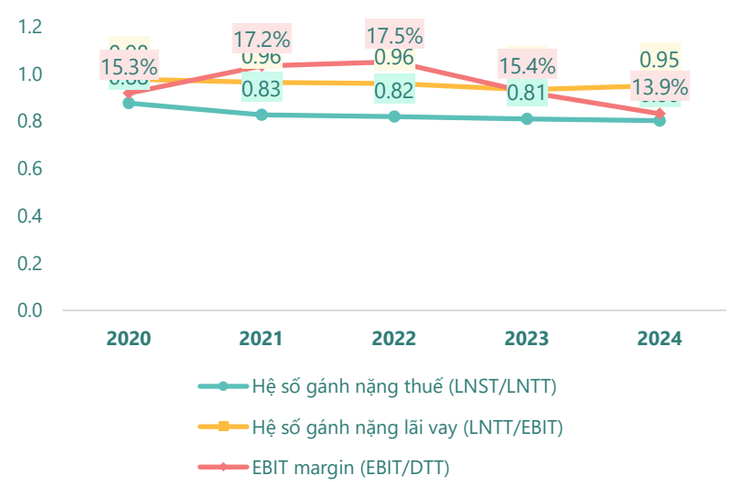
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



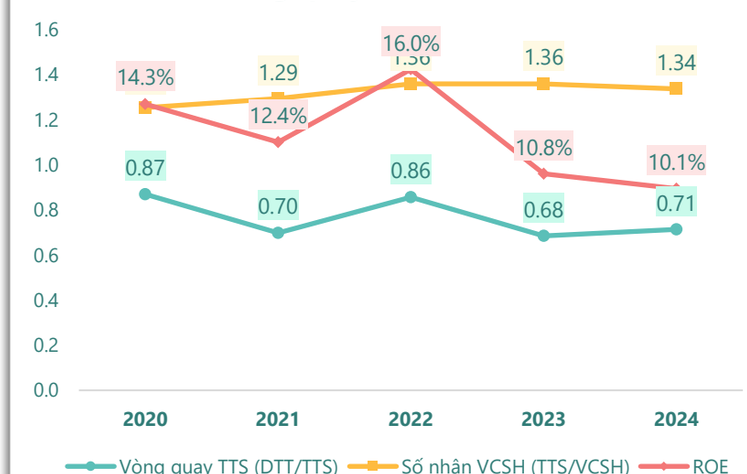
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



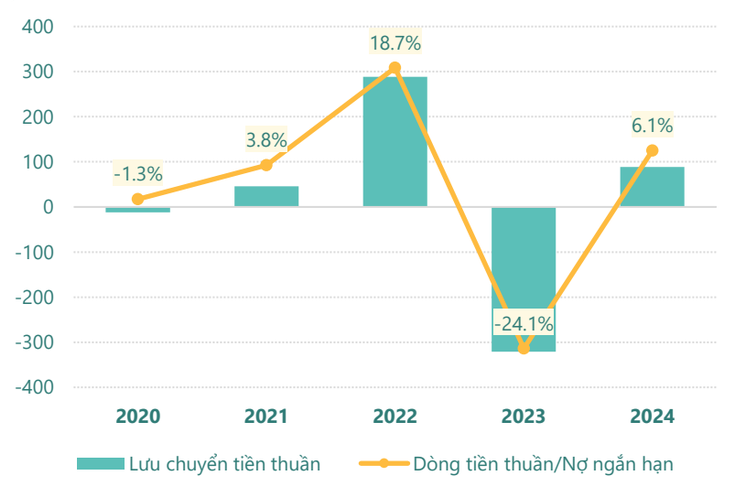
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,216**	**1,151**	**5.7%**	**3,981**	**3,762**	**5.8%**
Giá vốn hàng bán	840	813	3.3%	2,730	2,655	2.8%
Lợi nhuận gộp	376	339	11.0%	1,251	1,108	13.0%
Doanh thu HĐTC	33.6	49.2	-31.6%	163	160	2.4%
Chi phí TC	8.34	7.56	10.4%	36.2	45.3	-20.2%
Chi phí lãi vay	5.76	5.99	-3.8%	27.6	38.8	-29.0%
LN trong công ty LKLD	**0.10**	**0.00**		**0.25**	**1.85**	**-86.6%**
Chi phí bán hàng	139	135	3.0%	494	522	-5.5%
Chi phí QLDN	**164**	**51.5**	**218%**	**310**	**172**	**80.0%**
LN thuần từ HĐKD	99.1	194	-48.9%	575	529	8.7%
Lợi nhuận khác	**-0.11**	**2.68**	**-104%**	**-51.0**	**11.3**	**-553%**
LN trước thuế	99.0	197	-49.8%	524	540	-3.0%
Lợi nhuận sau thuế	**90.1**	**162**	**-44.4%**	**420**	**437**	**-3.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**90.1**	**162**	**-44.4%**	**420**	**437**	**-3.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	340	267	-57.5	36.5	243	411
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-12.6	-567	-225	259	-69.0	-290
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-295	274	247	-185	-242	-38.7
Tiền đầu kỳ	61.0	92.9	66.9	31.2	142	73.7
Lưu chuyển tiền thuần	**32.0**	**-26.2**	**-35.6**	**111**	**-68.4**	**81.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.13	0.20	0.00	-0.02	0.21	-0.17
Tiền cuối kỳ	92.9	66.9	31.2	142	73.7	155

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**5,640**	**5,522**	**2.1%**
Tài sản ngắn hạn	4,120	4,132	-0.3%
Tiền và tương đương tiền	155	66.9	132%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,048	1,835	11.7%
Phải thu ngắn hạn	932	1,079	-13.6%
Hàng tồn kho	968	1,135	-14.7%
Tài sản ngắn hạn khác	16.7	16.9	-1.3%
Tài sản dài hạn	**1,520**	**1,391**	**9.3%**
Phải thu dài hạn	146	165	-11.7%
Tài sản cố định	374	405	-7.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	3.05	21.5	-85.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	780	601	29.8%
Tài sản dài hạn khác	**217**	**198**	**9.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,464	1,349	8.5%
Nợ ngắn hạn	**1,451**	**1,334**	**8.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	728	707	3.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	318	263	20.9%
Nợ dài hạn	12.8	15.0	-14.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,176**	**4,174**	**0.1%**
Vốn chủ sở hữu	**4,176**	**4,174**	**0.1%**
Vốn điều lệ	1,508	1,508	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)